

Bản án số: 63/2025/DS-PT.

Ngày: 20-5-2025.

V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố di
chức vô hiệu và chia di sản thừa kế
theo di chúc, theo pháp luật.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán:

bà **Lê Thị Anh Đào**;

bà **Võ Thị Minh Phượng**.

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** bà **Trần Thị
Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3
năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và chia di sản
thừa kế theo di chúc, theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 337/2024/DS-ST ngày 30/12/2024 của Tòa
án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2025/QĐXXPT-
DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Lê Mạnh H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Vũ Cường V**, sinh
năm 1992; địa chỉ: Làng B, xã L, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2.2. Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số B đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn T: ông Phạm Tiến H1 là Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Tổ C, thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tộc Lê xã T11, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đức D, sinh năm 1953; địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.2. Tộc Lê xã T12, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Bá P, sinh năm 1933; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.3. Tộc N xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1946; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh T2.

Địa chỉ: Số B đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Khối phố G, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn C, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khối phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1949.

Địa chỉ: thôn P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.8. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khối phố T, phường H, thành phố T, Quảng Nam. Vắng mặt.

3.9. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.10. Ông Nguyễn Chí T5.

Địa chỉ: khối phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.11. Ông Nguyễn Quang T6, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khối phố E, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.12. Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.13. Bà Nguyễn Thị Thanh V1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khối phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.14. Bà Nguyễn Thị Thanh T7, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số C đường Đ, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.15. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.16. Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.17. Bà Lê Thị Ánh M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 4 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.18. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ3.

Địa chỉ: Số A đường P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn H3, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ3 - Chi nhánh Q2; địa chỉ: Số D đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.19. Ông Nguyễn Kim Q1, sinh năm 1969.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim Q1: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Số B đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Mạnh H, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Mạnh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ ông Lê Mạnh H là ông Lê H4 (*chết năm 2010*) và bà Nguyễn Thị T8 (*chết năm 2013*) sinh được 02 người con là bà Lê Thị T9 (*chết năm 2014*) và ông Lê Mạnh H. Trước đây, cha, mẹ và hai chị em ông sống tại số nhà B H (*số cũ là 118 H*), thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Chị ông bị tàn tật từ nhỏ nên không lập gia đình riêng. Sau khi ông lập gia đình thì tách hộ ra ở riêng tại nhà số B H (*số cũ là 120 H*) liền kề nhà cha mẹ.

Trước khi qua đời, cha mẹ ông có lập di chúc để lại toàn bộ di sản là ngôi nhà số B H cho chị ông là bà T9 được sở hữu và quản lý toàn bộ, còn ông do khó khăn nên phải bán căn nhà số B H để có vốn làm ăn. Do điều kiện đó nên ông và chị ông đã đồng ý để cho vợ chồng ông Nguyễn T ở cùng chị ông cho vui và có thỏa thuận với ông T và bà X là tạo điều kiện cho ở nhờ, cho buôn bán không thu tiền và có nghĩa vụ trả ơn gia đình ông bằng việc lo cho chị ông lúc ốm đau. Bà X, ông T phụ ông chăm lo cho chị ông để giảm bớt gánh nặng cho ông. Đến ngày 27/4/2014, bà T9 chết, khi lo ma chay cho chị, vô tình ông H biết

có văn bản niêm yết văn bản nhận tài sản thừa kế theo di chúc, phân chia toàn bộ tài sản của chị ông cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị X theo di chúc ngày 26/4/2014.

Qua tìm hiểu ông H được biết di chúc ngày 26/4/2014 được cho là của chị ông được lập tại Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng không đúng quy định pháp luật về thừa kế, bởi lẽ tại thời điểm đó chị ông đã bị rối loạn chức năng não, tâm thần không biệt định do tổn thương não (*đã có kết luận Y khoa*) nên chị ông đã mất hoàn toàn năng lực hành vi dân sự, không còn minh mẫn để có thể lập di chúc. Do vậy, việc lập di chúc này của những người liên quan là hoàn toàn trái luật.

Quá trình sinh sống, bà Lê Thị T9 để lại nhiều di chúc trong đó di chúc ngày 16/5/2013 do Phòng C1 tỉnh Quảng Nam công chứng và di chúc để lại di sản là vàng SJC mà chị ông gửi tại Ngân hàng TMCP Đ3 theo di chúc lập ngày 01/6/2013 do Văn phòng C2.

Nay, ông Lê Mạnh H khởi kiện yêu cầu tuyên bố Di chúc ngày 26/4/2014 vô hiệu; yêu cầu chia di sản thừa kế theo Di chúc ngày 16/5/2013 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 10, tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, diện tích 146.50 m², mục đích sử dụng: đất ở và vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 779430 do UBND thị xã T (*cũ*), tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/7/2003, đăng ký thay đổi để thừa kế sang tên bà Lê Thị T9 ngày 10/5/2013 và chia 60 chỉ vàng SJC đang gửi giữ tại Ngân hàng TMCP Đ3 - Chi nhánh Q2 theo Di chúc ngày 01/6/2013 theo quy định pháp luật; đối với cổ phần vốn góp và tiền chế độ tử tuất của chị ông, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với tài sản trên đất là căn nhà của bà X, thì ông chấp nhận bồi trả lại giá trị theo giá thị trường đối với căn nhà trên. Căn nhà này nằm trong thửa đất của ngôi nhà đất số A H trước đây. Ông H không đồng ý với ý kiến của bà X về việc mẹ ông là bà Nguyễn Thị T8, chị ông là bà Lê Thị T9 và bản thân ông Lê Mạnh H đã đồng ý cho bà X xây dựng một phần nhà kiên cố như bà X trình bày.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà là chị em cô cậu với bà Lê Thị T9, gia đình vợ chồng cô dựng là ông H4, bà T8 sống ly thân, dựng về N sinh sống, còn cô T8 sống tại số B H, cô có hai người con là bà T9, ông H. Năm 2003, cô dựng đã tách 89,5m² cho ông H sử dụng, phần đất còn lại để thừa kế lại cho bà T9 và đã được đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 10/5/2013. Năm 2005, cô T8 gọi bà lên để ở cùng với cô để lo cho cô lúc tuổi già và giúp đỡ bà T9 trong công việc, về tình cảm giữa vợ ông H và cô T8, bà T9 không hòa hợp nên bà đến ở cùng chăm lo cho cô cháu. Bà T9 bị vẹo cột sống và bị chèn phổi nên thường xuyên nhập viện, bà phải thường xuyên chăm sóc bà T9.

Khi bà T9 nhập viện tại Bệnh viện Đ4, bà đã chủ động liên hệ với ông H để lo thủ tục chuyển viện (*T ra Đà Nẵng*) nhưng ông H không đến, khi nhập viện tại Đà Nẵng, bà và ông T là hai người thay nhau chăm sóc bà T9, bệnh của

bà T9 là bị chèn phổi nên tinh thần rất tinh táo, minh mẫn. Khi thở máy, bà T9 đã sử dụng điện thoại để liên hệ giao tiếp với mọi người. Chiều ngày 26/4/2014 có bạn bà T9 đến thăm, cũng ngày này em bà là ông Nguyễn T về T nên bà T9 gọi điện bảo bà chỉ chỗ cho ông T về lấy giấy tờ ra làm thủ tục lập di chúc. Đến chiều hôm đó bà thấy có mấy người đến nói là Luật sư đến lập di chúc cho bà T9, bà không vào trong và chỉ đứng ở ngoài, thấy bà T9 trao đổi với người viết di chúc, sau khi lập xong bà Tâm Đ1 chỉ và người lập di chúc ra về, bà tiếp tục ở lại chăm sóc bà T9, hôm sau bà T9 chết.

Ngày 28/4/2014, khi làm thủ tục xuất viện, bà bất ngờ khi ông Đ2 là người lập di chúc thông báo thông tin về di chúc và bà T9 để lại nhà và đất tại Huỳnh Thúc K cho bà và ông T. Thực hiện di chúc của bà T9, bà đã hương hỏa và hỏa táng bà T9 theo ý nguyện, hiện tại bà và ông T vẫn tiếp tục sinh sống và làm ăn tại căn nhà này.

Nay, ông H khởi kiện cho rằng bà T9 lập di chúc khi không minh mẫn là không đúng, vì lúc đó bà T9 hoàn toàn minh mẫn, do đó không hề có việc giả mạo việc lập di chúc của bà T9 vào ngày 26/4/2014 nên di chúc này có hiệu lực.

Đối với Di chúc để lại vàng, bà không có ý kiến gì, bà T9 cho bao nhiêu bà nhận bấy nhiêu. Di chúc bà T9 để lại vào ngày 26/4/2014 là hợp pháp, theo đó để lại cho bà $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, phù hợp với nội dung di chúc ngày 14/5/2013 nên bà đề nghị Tòa án xem xét và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với tài sản trên đất là căn nhà bà đang ở, căn nhà này bà xây dựng năm 2005, bà đến đây sinh sống khi cô T8 là mẹ ông H còn sống; sau đó gia đình cô T8 có cho bà một phần diện tích đất này để bà xây nhà và sinh sống đến giờ. Khi cho chỉ cho miệng nhưng thời điểm đó vợ chồng ông H còn sinh sống tại đây và biết việc này nên bà không chấp nhận yêu cầu của ông H. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông là cháu của cô X, cô T9. Ông mới lên sống với cô T9 và cô X vào năm 2013. Khi cô T9 đau ốm, ông cùng cô X chăm sóc giúp đỡ cô T9 tại gia đình cũng như tại bệnh viện. Về việc cô T9 lập di chúc để định đoạt tài sản của mình là do cô T9 tự thực hiện. Khi cô T9 điều trị tại Bệnh viện Đ4 chỉ có cô X và ông thay phiên nhau chăm sóc. Cô T9 bị chèn ép phổi nên mỗi khi có đờm lên phải nhờ sự hỗ trợ của máy thở. Bệnh cô T9 là bị chèn ép phổi nên tinh thần rất tinh táo, minh mẫn. Khi đang thở máy, cô T9 sử dụng máy điện thoại giống như tấm bản viết để giao tiếp với mọi người, nếu ở xa thì sử dụng tin nhắn từ máy của cô T9 gửi nội dung đến máy cần liên hệ.

Sáng ngày 26/4/2014, ông về T thì cô X gọi điện nói với ông là cô T9 bảo lấy giấy tờ đất mang ra để cô T9 lập di chúc. Ông về nhà lấy giấy tờ mang ra cho cô T9. Đến chiều ngày 26/4/2014 lúc đó khoảng 18 giờ 30 phút ông thấy có mấy người nói là Luật sư ở Đà Nẵng đến lập di chúc cho cô T9. Khi lập di chúc,

ông không vào nên không biết được nội dung bản di chúc. Ông đứng ở ngoài nhìn vào thấy cô T9 trao đổi với người viết di chúc, sau khi lập xong cô điểm chỉ tay vào di chúc. Lúc lập di chúc, ông thấy có y tá trực cũng có mặt tại đó. Sau khi lập xong di chúc, những người lập di chúc ra về. Tối hôm đó ông về lại Tam K1 còn cô X vẫn tiếp tục ở lại chăm sóc cô T9 đến chiều hôm sau cô T9 chết. Sáng Thứ 2 ngày 28/4/2014, ông và cô X ra Bệnh viện Đ4 để thanh toán viện phí, sau đó ông nghe cô X nói cô T9 lập di chúc để tài sản lại cho ông và cô X. Theo di chúc, cô T9 đề nghị được hỏa táng nên đã thực hiện theo nguyện vọng của cô T9. Hiện nay, ông và cô X vẫn tiếp tục sống trong ngôi nhà của cô T9 và lo thờ cúng hương khói cho cô T9 theo đúng nguyện vọng của cô T9 trong bản di chúc.

Nay, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bản di chúc ngày 26/4/2014 vô hiệu thì ông không thống nhất. Khi lập di chúc, cô T9 hoàn toàn minh mẫn, cô có mời Luật sư đến lập và làm chứng. Còn đối với di chúc về vàng, được cho bao nhiêu thì vợ chồng ông nhận bấy nhiêu, không có tranh chấp gì. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tộc Lê xã T do ông Lê Đức D đại diện trình bày: di chúc ngày 01/6/2013 theo ý chí nguyện vọng của cô T9 để lại cho T10 Lê tại T là 05 chỉ vàng thì ông đại diện cho T10 xin nhận để lo thờ cúng trong dòng tộc.

- Bà Nguyễn Thị T4 trình bày: trước đây, bà Lê Thị T9 có tới Ngân hàng Đ3 gửi tiết kiệm vàng. Bà T9 gặp bà tại Ngân hàng và nhờ bà đứng tên hộ vì lý do khuyết tật đi lại khó khăn. Ngày 17/5/2013, bà T9 nhờ bà đứng tên Sổ tiết kiệm vàng với số vàng 80 chỉ SJC. Đến ngày 31/5/2013, bà rút ra cho bà T9 80 chỉ vàng SJC, bà T9 lấy 20 chỉ vàng SJC về mua máy thở (Oxi) và chữa bệnh. Ngày 31/5/2013, bà gửi lại số vàng 60 chỉ SJC. Sau đó, bà T9 có nguyện vọng viết di chúc nên nhờ bà rút ra hết số vàng 60 chỉ SJC giao lại toàn bộ số vàng 60 chỉ SJC cho chị T9 vào ngày 01/6/2013. Sau đó, bà không còn liên quan tới số vàng đó nữa.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 337/2024/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 2, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 119, 122, 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 40, 41, 44, 47, 52 Luật Công chứng; các Điều 611, 612, 613, 616, 618, 623, 624, 625, 627, 628, 630, 632, 634, 635, 640, 643, 645, 646, 649, 650, 651, 658, 659, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự Điều 179 Luật Đất đai Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H đối với bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn T về tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo Di chúc.

Tuyên bố Di chúc ngày 26 tháng 4 năm 2014 vô hiệu. Chia di sản thừa kế của bà Lê Thị T9 theo Di chúc ngày 16 tháng 5 năm 2013 được Công chứng tại Phòng C1 tỉnh Quảng Nam, số công chứng 924, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD, theo đó:

Chia cho ông Lê Mạnh H được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 10, diện tích 146,5m² (trong đó có 110,5m² đất ở và 36m² đất vườn) tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 779430 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 18 tháng 7 năm 2003, đã được điều chỉnh để thừa kế cho bà Lê Thị T9 vào ngày 10-5-2013. Theo Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 20-2023 ngày 20-3-2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ5 nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12, diện tích 152,5m² và ông Lê Mạnh H được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm:

- + Tài sản do ông Nguyễn T quản lý, sử dụng: nhà chính, nhà bếp, nhà kho, nhà vệ sinh, mái che, mái hiên phía trước, mái bạt chung 2 nhà.

- + Tài sản do bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng: nhà chính, gác lửng gỗ, cầu thang sắt, mái hiên trước nhà.

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên cho ông Lê Mạnh H theo quy định pháp luật.

Buộc ông Lê Mạnh H phải bồi trả giá trị tài sản gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị X số tiền 80.620.800 đồng.

Buộc ông Lê Mạnh H phải bồi trả cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Thanh T2 giá trị tài sản gắn liền với đất phần sửa chữa số tiền là 17.182.800 đồng.

Buộc ông Lê Mạnh H phải bồi trả giá trị công sức tôn tạo, bảo quản di sản cho bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn T mỗi người là 660.341.000 đồng.

Chia di sản thừa kế của bà Lê Thị T9 theo Di chúc ngày 01 tháng 6 năm 2013 được Văn phòng C2 số 1084, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, theo đó:

- Chia cho nhà thờ T13 ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam 05 (năm) chỉ vàng SJC.

- Chia cho nhà thờ họ Nguyễn tại Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam 05 (năm) chỉ vàng SJC.

- Chia cho ông Lê Mạnh H 25 (hai mươi lăm) chỉ vàng SJC.

- Chia cho bà Nguyễn Thị X 10 (mười) chỉ vàng SJC.

- Giao cho ông Lê Mạnh H 03 (ba) chỉ vàng SJC để ông H liên hệ cho quỹ trẻ em khuyết tật thành phố T tỉnh Quảng Nam.

- Chia cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Thanh T2 02 (hai) chỉ vàng SJC.

- Chia số vàng còn lại 10 (mười) chỉ vàng SJC cho ông Lê Mạnh H.

Ông Lê Mạnh H phải thanh toán phí giữ hộ vàng cho Ngân hàng TMCP Đ3 - Chi nhánh Q2 số tiền tính đến ngày 30-12-2024 là 8.988.306 đồng và tiền phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng giữ hộ vàng 452/GHQNa-2013 ngày 01-6-2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 13/01/2025, nguyên đơn ông Lê Mạnh H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của các đương sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Mạnh H, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T thì thấy: sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị X có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới là 01 bản “Di chúc” của bà Lê Thị T9 được Văn phòng C2 ngày 31/5/2013 có liên quan đến các tài sản đang tranh chấp yêu cầu chia thừa kế. Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét, đánh giá chứng cứ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn,

hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần bổ sung các tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng các di chúc của bà Lê Thị T9 vào tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên không đề cập giải quyết đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Mạnh H, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T về phần nội dung vụ án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Lê Mạnh H, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T không phải chịu; hoàn trả lại cho bà X, ông T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, riêng ông H đã được Tòa án cấp sơ thẩm cho miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Mạnh H, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 337/2024/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Lê Mạnh H, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn T không phải chịu; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001777 và số 0001778 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (*số tiền tạm ứng án phí của bà Nguyễn Thị X do ông Nguyễn T nộp thay*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/5/2025).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo